|  |  |
| --- | --- |
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HV**  **TP.ĐN**  Số: 18/2022/QĐST-DS | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *HV, ngày 18 tháng 11 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 157/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể tự ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Thôn ANT 2, xã HS, huyện HV, thành phố ĐN.
* ***Bị đơn:*** Ông Phan S, sinh năm: 1954 và bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm: 1960.

Cùng địa chỉ: Thôn ANT 2, xã HS, huyện HV, thành phố ĐN.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Ông Phan Như L, sinh năm: 1990 và bà Phan Thị Quỳnh L, sinh năm: 1992. Cùng địa chỉ: Thôn ANT 2, xã HS, huyện HV, thành phố ĐN.

1. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
   1. Công nhận Giấy chuyển nhượng nhà và đất ở ghi ngày 22/11/2013 có hiệu lực pháp luật.
   2. Công nhận phần diện tích 150m2 (đất ở) và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 60,59m2 thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 15 tại Thôn ANT 2, xã HS, huyện HV, thành phố ĐN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liến với đất số CV115398 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố ĐN cấp ngày 24/11/2020 đứng tên ông Phan S là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu T (*Có sơ đồ kèm theo*).
   3. Bà Nguyễn Thị Thu T được quyền liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng quy định của pháp luật.
   4. Bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán một lần số tiền 104.865.000 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) cho ông Phan S và bà Nguyễn Thị Lệ T vào ngày 10/02/2023.
   5. Từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực

pháp luật và đến ngày bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán, ông Phan S và bà Nguyễn Thị Lệ Tcó đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền mà bà Nguyễn Thị Thu Tphải thanh toán; nếu bà Nguyễn Thị Thu T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

* 1. Về chi phí tố tụng: Ông Phan S và bà Nguyễn Thị Lệ T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng).*
  2. Về án phí: Ông Phan S và bà Nguyễn Thị Lệ T có nghĩa vụ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.621.625 đồng (*Hai triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008008 ngày 01/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HV, thành phố ĐN. Bà Nguyễn Thị Thu T phải tiếp tục nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.321.625 đồng (*Hai triệu, ba trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng*).

1. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.
2. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Các đương sự; * VKSND huyện HV; * Chi cục THADS huyện HV; * Lưu hồ sơ. | **THẨM PHÁN** |

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Các đương sự; * VKSND huyện Hòa Vang; * Lưu HS. | **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** |